

Số : /TB-UBND

Gia Lương, ngày 22 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

**“Công khai dự toán ngân sách xã năm 2024 trước khi trình kỳ họp hội
đồng nhân dân xã lần thứ 07 khóa XXIV ”**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 5/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã về việc thông báo công khai dự toán ngân sách xã năm 2024 trước kỳ họp HĐND xã lần thứ 07 khóa 24.

Ủy ban nhân dân xã Gia Lương thông báo công khai dự toán ngân sách xã năm 2023 (Có biểu số liệu kèm theo).

- Hình thức công khai:

- + Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Gia Lương.
- + Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã
- + Trên trang thông tin điện tử :<http://gialuong.gialoc.haiduong.gov.vn>
- Thời gian công khai 30 ngày : Từ ngày 22/12/2023- 22/01/2024

Ủy ban nhân dân xã Gia Lương thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Trường ban đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Khang

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.964.000	TỔNG SỐ CHI	5.964.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	55.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	87.000	II. Chi thường xuyên	5.964.000
III. Thu bổ sung	5.822.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.822.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	6.989.445	6.981.492	5.970.000	5.964.000	85,41	85,43
I	Các khoản thu 100%	282.021	282.021	55.000	55.000	19,50	19,50
1	Phí, lệ phí	11.931	11.931	3.000	3.000	25,15	25,15
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	268.064	268.064	52.000	52.000	19,40	19,40
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	2.026	2.026				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	249.387	241.433	93.000	87.000	37,29	36,03
1	Các khoản thu phân chia	79.817	79.817	63.000	63.000	78,93	78,93
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	53.366	53.366	50.000	50.000	93,69	93,69
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.100	4.100	3.000	3.000	73,17	73,17
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	22.351	22.352	10.000	10.000	44,74	44,74
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	169.570	161.616	30.000	24.000	17,69	14,85
2.1	Thu tiền sử dụng đất	129.800	129.800				
	Thu tiền đất đai dư	129.800	129.800				
	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						

2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	19.980	15.984	20.000	16.000	100,10	100,10
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	19.790	15.832	10.000	8.000	50,53	50,53
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	1.329.009	1.329.009				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.129.029	5.129.029	5.822.000	5.822.000	113,51	113,51
1	Thu bổ sung cân đối	4.389.479	4.389.479	5.822.000	5.822.000	132,64	132,64
2	Thu bổ sung có mục tiêu	739.550	739.550				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	6.593.429	1.500.000	5.093.429	5.964.000		5.964.000	90,45		117,09
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	647.178		647.178	610.110		610.110	94,27		94,27
1	Chi giáo dục	13.100		13.100	13.000		13.000	99,24		99,24
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	110.100		110.100	13.000		13.000	11,81		11,81
4	Thông tin									
5	Văn hóa TT-Truyền Thanh	76.200		76.200	79.000		79.000	103,67		103,67
6	Chi thể dục, thể thao	1.020.000	1.000.000	20.000	20.000		20.000	1,96		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường	86.700		86.700	21.000		21.000	24,22		24,22
8	Chi các hoạt động kinh tế	557.400	500.000	57.400	50.000		50.000	8,97		87,11
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.555.390		3.555.390	4.769.390		4.769.390	134,24		134,24
10	Chi cho công tác xã hội	527.361		527.361	388.500		388.500	73,67		73,67